

**PHỤ LỤC I**  
**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  
**GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN** (Kèm theo  
*Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

TÊN CƠ QUAN CƠ QUAN/TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP  
**TRƯỜNG MẦM NON DIỄN LÂM II**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm: 2024**

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Tên cơ sở giáo dục Trường Mầm Non Diễn Lâm 2**

### **2. Địa chỉ trụ sở chính:** Xóm 4, xã Diễn Lâm, Diễn Châu, Nghệ An.

Các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục: Điểm phụ thuộc: Xóm 8, xã Diễn Lâm, Diễn Châu, Nghệ An

Số điện thoại: 0963136864

Địa chỉ thư điện tử: [mndienlam2.dc@nghean.edu.vn](mailto:mndienlam2.dc@nghean.edu.vn)

Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử): <https://mamnondienlam2.dienchau.edu.vn/>

### **3. Loại hình của cơ sở giáo dục:** thuộc cơ sở giáo dục công lập.

### **4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

+ Sứ mạng xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

+ Tầm nhìn trở thành một hệ thống trường giáo dục có chất lượng cao, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Trường luôn hướng tới nền văn hoá giáo dục hiện đại, với những cách thức giao tiếp, truyền đạt mới mẻ giúp học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình để trở thành ngôi trường tiên phong cho việc nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục Quốc gia Việt Nam. Duy trì và phấn đấu trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

+ Mục tiêu của nhà trường:

- Huy động toàn bộ đội ngũ CB-GV-NV nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức - tự học – sáng tạo”; Tạo các mối quan hệ đúng đắn trong nhà trường; chăm sóc giáo dục học sinh rèn luyện kỹ năng, lối sống; chấp hành tốt Pháp luật – kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

- Tiếp tục duy trì trường đạt chuẩn quốc gia.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

Trường Mầm non Diễn Lâm 2 được thành lập từ năm 1981 được mang tên trường Mẫu giáo Diễn Lâm 2. Đến năm 2010, theo QĐ số 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010 của UBND huyện Diễn Châu quyết định về việc thành lập trường mầm non bán công mang tên

Trường Mầm non Diễn Lâm 2 và được chuyển sang loại hình trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động mang tên Trường Mầm non Diễn Lâm 2 vào năm 2011 theo Quyết định thành lập số 993/QĐ-UBND ngày 10/06/2011 của UBND huyện Diễn Châu.

Năm 2012 trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và đến năm 2020 được công nhận lại. Hiện nay, toàn trường có 26 phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập và khối phụ trợ; có nhà vệ sinh giáo viên và học sinh nam, nữ riêng biệt, khuôn viên trường thoáng mát, có cây xanh và hàng rào kiên cố bao quanh; có nhà xe giáo viên; đồ dùng, trang thiết bị dạy học đáp ứng được công tác dạy học và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục Mầm non.

Chi bộ trường hiện có 15 đảng viên. Trường có 02 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng và các tổ chức đoàn thể gồm: Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được thành lập theo quy định và tổ chức hoạt động góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm học của nhà trường. Trường có nhiều năm liền đạt Trường học Văn hóa, Tập thể lao động tiên tiến; Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh; Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao của ngành, của địa phương tổ chức.

#### **6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Bình chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 4, xã Diễn Lâm, Diễn Châu, Nghệ An.

Số điện thoại: 0963136864

Địa chỉ mail: nguyensbinhgv@gmail.com

#### **7. Tổ chức bộ máy:**

Quyết định thành lập số 993/QĐ-UBND ngày 10/06/2011 của UBND huyện Diễn Châu về việc thành lập trường Mầm Non Diễn Lâm 2.

- Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng số 2526/QĐ-UBND ngày 22/08/2024 về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

### **1. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 31**

- Cán bộ quản lý: 03, bao gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.
- Giáo viên: 26.
- Nhân viên: 2

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Năm học	Tổng số	Cấp MN				
		Trình độ ĐH	Trình độ CĐ	Trung cấp/ khác	GV MN hạng II	GV MN hạng III
CBQL	3	3			3	
GV	26	21	5		10	16
NV	2	1	1			
<b>Cộng</b>	<b>31</b>	<b>25</b>	<b>6</b>		<b>13</b>	<b>16</b>

## 2. Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên

a) Đối với cán bộ quản lý: 1/1 được đánh giá xếp loại tốt chuẩn hiệu trưởng, đạt tỷ lệ 100% , 2/2 được đánh giá Tốt chuẩn phó hiệu trưởng, đạt tỷ lệ 100%.

b) Đối với giáo viên

Năm học	Tổng số GV		Kết quả xếp loại của cơ sở giáo dục							
	Tổng số	Tăng/giảm so với năm trước (%)	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2023-2024										
Tổng số	26	15,4					3	11,5	23	88,5
Nữ	26	15,4					3	11,5	23	88,5

3. Công tác bồi dưỡng thường xuyên: 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên và các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do cơ quan thẩm quyền tổ chức.

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Tổng diện tích đất sử dụng hiện tại: 7.746m<sup>2</sup>; diện tích xây dựng: 1.546,9m<sup>2</sup>. Diện tích bình quân/học sinh: 16,5m<sup>2</sup>/học sinh so với yêu cầu tối thiểu quy định nhiều hơn 4,5 m<sup>2</sup>/HS.

2. Toàn trường có 26 phòng được khai thác sử dụng làm phòng học và các phòng chức năng. Cụ thể như sau:

TT	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
I	<b>KHỐI HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ</b>	5	Phòng làm việc
1	Hiệu trưởng	1	

<b>TT</b>	<b>Tên phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
2	Phó Hiệu trưởng	1	
3	Văn phòng	1	
4	Bảo vệ	2	
5	Phòng kế toán	0	
<b>II</b>	<b>KHỐI PHÒNG HỌC TẬP</b>	<b>14</b>	
1	Phòng học	16	1 phòng/lớp
2	Âm nhạc	1	
3	Thể chất	0	
4	Tin học	0	
5	Ngoại ngữ	0	
6	Phòng đa năng	1	
<b>III</b>	<b>KHỐI HỖ TRỢ HỌC TẬP</b>	<b>0</b>	
1	Thư viện	0	
2	Thiết bị	0	
3	Tư vấn học đường	0	
4	Phòng đoàn TN	0	
5	Phòng truyền thống	0	
<b>IV</b>	<b>KHỐI PHỤ TRỢ</b>		
1	Phòng họp toàn thể GV-NV	0	
2	Phòng họp tổ chuyên môn	0	Sử dụng văn phòng
3	Y tế	1	
4	Nhà kho	1	
5	Phòng nghỉ nhân viên	0	
6	Phòng GV	0	
7	Khu để xe GV	2	
8	Khu vệ sinh HS	13	
9	Khu vệ sinh GV	02	
10	Cổng, tường rào	2	02 cổng, tường rào bao quanh.
<b>V</b>	<b>KHU SÂN CHƠI, TDTT</b>		
1	Sân chung toàn trường	2	
2	Sân tập TDTT	01	
3	Nhà đa năng	0	
<b>VI</b>	<b>THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ</b>	<b>41</b>	
1	Máy vi tính	5	Trang bị phòng làm việc hành chính.

TT	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
2	Phần mềm phụ vụ dạy học	4	
3	Đàn	0	
4	Tivi	17	
5	Đường truyền Internet	2	

### 3. Số thiết bị dạy học tối thiểu

Hàng năm nhà trường đầu tư mua sắm đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu trên lớp theo thông tư 01 của chương trình giáo dục mầm non.

## IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC<sup>5</sup>

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng và triển khai kế hoạch tự đánh giá; phân công giáo viên, nhân viên trong nhà trường xác định nội hàm, dự thảo minh chứng, lập danh mục minh chứng, thu thập minh chứng và mô tả thực trạng, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu theo 25 tiêu chí mức 1-2-3 của 05 tiêu chuẩn theo quy định.

Tính đến thời điểm tháng 6 năm 2024, nhà trường đã thực hiện được các công việc sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch tự đánh giá; phân công giáo viên, nhân viên trường thực hiện các tiêu chí theo quy định.
- Hoàn thành phiếu xác định nội hàm, dự thảo danh mục mã minh chứng.
- Thu tập minh chứng các năm trước và minh chứng năm học 2023-2024.
- Dự thảo được phiếu đánh giá tiêu chí.

Qua dự thảo phiếu đánh giá tiêu chí và các minh chứng thu được; nhà trường dự báo kết quả tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC<sup>6</sup>

### 1. Cấp Mầm non

\*Kết quả bé sạch, bé chăm, bé ngoan năm học: 2023-2024

TT	Lớp	Tổng số trẻ	Bé sạch	Tỷ lệ (%)	Bé chăm	Tỷ lệ (%)	Bé ngoan	Tỷ lệ (%)
1	Nhà trẻ	50	48	96	47	94	38	76
2	Mẫu giáo	420	415	98,8	410	97,6	350	83,3

\*Kết quả khen thưởng cuối năm

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Khen thưởng cuối năm			
			Bé chăm ngoan học giỏi		Bé chăm ngoan	
			SL	%	SL	%
<b>Cộng</b>		<b>470</b>	<b>107</b>		<b>239</b>	
1.1	Nhà trẻ	50	8	16	30	60
1.2	Mẫu giáo	420	99	23,6	209	47,8

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH<sup>7</sup>

### 1. Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2023:

Nhà trường đã tổ chức công khai dự toán thu chi ngân sách và các hoạt động tài chính khác của đơn vị theo thông tư 90/ 2018/TT-BTC ngày 04/9/2018 của Bộ tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ vào hội nghị cán bộ viên chức, người lao động hàng năm.

Về kinh phí ngân sách tự chủ: Đảm bảo chi đủ lương, các chế độ khen thưởng cuối năm, công tác phí, nghỉ thai sản, làm thêm giờ, bảo hiểm, chế độ hưởng trong các ngày lễ tết... đều được chi trả đúng theo qui chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Bên cạnh đó nhà trường đã mua sắm được khá nhiều trang thiết bị như bàn ghế văn phòng, các loại biểu bảng của văn phòng, các góc chơi....., và các loại trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy học. Việc sử dụng kinh phí đều được công khai trong hội đồng sư phạm.

### Biểu mẫu 03

Đơn vị: Trường MN Diễn Lâm 2

Chương: 622

### ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

*DV tính: Đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>177.160.000</b>	<b>177.160.000</b>	100%	100%
1	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>177.160.000</b>	<b>177.160.000</b>	100%	100%
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	<b>177.160.000</b>	<b>177.160.000</b>	100%	100%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	177.160.000	177.160.000	100%	100%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>4.485.588.000</b>	<b>4.485.588.000</b>	100%	100%
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>4.485.588.000</b>	<b>4.485.588.000</b>	100%	100%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.485.588.000	4.485.588.000	100%	100%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương				

## Biểu số 04

**Đơn vị: Trường MN Diễn Lâm 2**

**Chương: 622**

### QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

*ĐV tính: Đồng*

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Nguồn NSNN chi thường xuyên	Nguồn hoạt động khác được để lại	Trích lập các quỹ
<b>I</b>	<b>Quyết toán thu</b>					
<b>A</b>	<b>Tổng số thu</b>					
<b>1</b>	<b>Số thu NSNN cấp</b>	<b>3.898.729.600</b>		<b>3.898.729.600</b>		
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				<b>395.550.000</b>	
<b>2</b>	<b>Thu hoạt động cung ứng dịch vụ</b>					
<b>3</b>	<b>Hoạt động sự nghiệp khác</b>					
<b>II</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>4.198.144.440</b>		<b>3.898.729.600</b>	<b>316.382.602</b>	
<b>A</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>					
<b>6000</b>	<b>Tiền lương</b>	<b>2.070.959.100</b>		<b>1.893.799.100</b>	<b>177.160.000</b>	
6001	Lương theo ngạch, bậc	2.070.959.100		1.893.799.100	177.160.000	
<b>6050</b>	<b>Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng</b>	<b>48.000.000.</b>		<b>36.000.000</b>	<b>12.000.000</b>	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	48.000.000.		36.000.000	12.000.000	
<b>6100</b>	<b>Phụ cấp lương</b>	<b>1.439.567.000</b>		<b>1.439.567.000</b>		
6101	Phụ cấp chức vụ	37.505.900		37.505.900		

6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.013.828.700		1.013.828.700		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	15.009.000		15.009.000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	373.223.400		373.223.400		
<b>6150</b>	<b>Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học</b>	<b>16.650.000</b>		<b>16.650.000</b>		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	16.650.000		16.650.000		
<b>6200</b>	<b>Tiền thưởng</b>	<b>16.837.000</b>		<b>16.837.000</b>		
6201	Thưởng thường xuyên	16.837.000		16.837.000		
<b>6300</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>	<b>583.318.400</b>		<b>583.318.400</b>		
6301	Bảo hiểm xã hội	435.359.100		435.359.100		
6302	Bảo hiểm y tế	74.548.200		74.548.200		
6303	Kinh phí công đoàn	49.898.700		49.898.700		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	23.512.400		23.512.400		
<b>6400</b>	<b>Các khoản thanh toán khác cho cá nhân</b>	<b>31.680.000</b>		<b>31.680.000</b>		
6401	Tiền ăn	31.680.000		31.680.000		
<b>6500</b>	<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	<b>31.299.625</b>		<b>21.815.425</b>	<b>9.484.200</b>	
6501	Tiền điện	31.299.625		21.815.425	9.484.200	
<b>6550</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>	<b>64.010.800</b>		<b>4.900.000</b>	<b>59.110.800</b>	
6551	Văn phòng phẩm	11.940.000			11.940.000	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	52.070.800		4.900.000	47.170.800	
<b>6600</b>	<b>Thông tin, tuyên truyền, liên lạc</b>	<b>5.916.400</b>			<b>5.916.400</b>	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	4.646.400			4.646.400	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	1.270.000			1.270.000	
<b>6700</b>	<b>Công tác phí</b>	<b>20.600.000</b>		<b>20.600.000</b>		
6704	Khoản công tác phí	20.600.000		20.600.000		
<b>6750</b>	<b>Chi phí thuê mướn</b>	<b>54.000.000</b>		<b>54.000.000</b>		
6757	Thuê lao động trong nước	54.000.000		54.000.000		
<b>6900</b>	<b>Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng</b>	<b>211.579.980</b>		<b>132.486.000</b>	<b>79.093.980</b>	
6907	Nhà cửa	164.647.980		110.986.000	53.661.980	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	25.432.000			25.432.000	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	21.500.000		21.500.000		
<b>7000</b>	<b>Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành</b>	<b>272.135.100</b>		<b>152.104.700</b>	<b>120.030.400</b>	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	163.192.400		58.162.000	105.030.400	
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	2.408.000		2.408.000		
7049	Chi khác	106.534.700		91.534.700	15.000.000	
<b>7750</b>	<b>Chi khác</b>	<b>103.749.800</b>		<b>34.110.000</b>	<b>69.639.800</b>	
7761	Chi tiếp khách	8.000.000		8.000.000		
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	15.200.000		15.200.000		
7799	Chi các khoản khác	80.549.800		10.910.000	69.639.800	
<b>7950</b>	<b>Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định</b>	<b>47.720.375</b>		<b>47.720.375</b>		
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	3.750.337		3.750.337		



7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	35.198.000		35.198.000	
7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	4.000.000		4.000.000	
7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	4.772.038		4.772.038	

2. Công khai đầy đủ về việc thực hiện quỹ hoạt động của Ban đại diện CMHS: Nhà trường đã tích cực tham mưu với hội phụ huynh trong việc quản lý quỹ hội. Quỹ hội đã được công khai trước Đảng uỷ, HĐND, UBND xã và toàn thể phụ huynh học sinh tại hội nghị họp đầu năm, giữa năm và cuối năm học. Việc thu, chi tiền quỹ hội đã được thông qua trước toàn thể phụ huynh trong toàn trường và được 100% phụ huynh nhất trí.

- Công tác vận động tài trợ giáo dục thực hiện quy trình theo văn bản chỉ đạo cấp trên. Công khai đầy đủ cho phụ huynh được biết. có hồ sơ lưu giữ đầy đủ.

- Công khai các quỹ, học phí, thỏa thuận tiền ăn của trẻ đầy đủ theo quy định.

**1. Học phí:** Tổng thu: 415.350.000 đồng. Tổng chi: 415.350.000 đồng.

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	40% chi trả lương	166.140.000
2	Chi hoạt động + tăng cường CSVN	249.210.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>415.350.000</b>

- **Tồn: 0 đồng.**

**2. Kết quả vận động tài trợ mua sắm, tu sửa CSVN:**

- Tổng số tiền thu được: 152.480.000 đồng/468 trẻ tham gia ủng hộ.

- Chi: 152.480.000 đồng. Nhà trường đã mua sắm như sau:

TT	Nội dung chi	Số tiền thu	Số tiền chi
<b>A</b>	<b>Số tiền thu được:</b>	<b>152.480.000</b>	
<b>B</b>	<b>Số tiền và nội dung chi cụ thể, gồm:</b>		
1	Làm bạt bằng hình ảnh để trang trí tường bao phía trước trường (Bạt có khung sắt xung quanh) (13 cái x 880.000đ/cái)		11.440.000
2	Tu sửa điện, nước, vệ sinh các lớp, nhà bếp		22.500.000
3	Lắp đặt bạt che nắng các lớp cụm 1 (215m <sup>2</sup> x 194.400đ/m <sup>2</sup> )		41.796.000
4	Lắp đặt bạt cuốn nhà đọc sách- Thư viện xanh (63m <sup>2</sup> x 194.400đ/m <sup>2</sup> )		12.247.200
5	Mô hình công ra vào khu vui chơi vận động ngoài trời (1 cái x 25.000.000đ/cái); mô hình quả dưa hấu (1 cái x 17.000.000đ/cái)		42.000.000
6	Mua đồ dùng theo TT cho các lớp		22.496.800
	<b>Tổng cộng</b>		<b>152.480.000</b>

- **Tồn: 0 đồng.**

**3. Kết quả thu tiền cô nuôi và chí phí bán trú:**

- Tổng thu được: 425.900.000 đồng.

- Tổng chi: 425.900.000 đồng. Trong đó:

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
1	Chi thuê khoán người nấu ăn: 9 người x 4.000.000đ/tháng x 9T	324.000.000
2	Chi mua vật tư tăng thêm do tổ chức bán trú (nước lau nhà, nước giặt, nước rửa tay, dầu rửa bát, nước tẩy bồn cầu,...)	66.642.500
3	Chi mua sắm vật dụng dùng chung cho bán trú (nồi inox đựng thức ăn; vòng bi, lưỡi dao, trục xoắn máy xay thịt)	35.257.500
	<b>Tổng cộng</b>	<b>425.900.000</b>

- **Tồn: 0 đồng**

**4. Tiền ngoại ngữ tăng cường (tiếng anh: 22.000đ/tiết/học sinh):**

- Tổng thu: 64.426.000 đồng.

- Tổng chi: 64.426.000 đồng.

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
1	Chi cho trung tâm, giáo viên dạy	51.540.800
2	Chi phí cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác quản lý và tuyển sinh	9.663.900
3	Chi bổ sung CSVC	3.221.300
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60.812.000</b>

- **Tồn: 0 đồng.**

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC<sup>8</sup>**

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản và chế độ chính sách cho giáo viên, nhân viên và học sinh đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

- Trường Mầm non Diễn Lâm 2 đạt tiêu chuẩn an toàn phòng chống tai nạn thương tích./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Bình**